

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Út Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thảo và bà Đỗ Thị Láng.

Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2024/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/ QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị S**, sinh năm 1988. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh **Vàng A D**, sinh năm 1982. Có mặt.

Đều cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hoàng Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D về chung sống cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương từ năm 2001; đến 15/6/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh D thường xuyên uống rượu say, hay đánh, chửi và đuổi chị ra khỏi nhà, anh D không chịu khó làm ăn để cùng chị nuôi con ăn học, vì cuộc sống quá khó khăn nên chị S phải bỏ đi khỏi nhà để làm thuê. Vợ chồng chị S và anh D đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong quá

trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai, anh D đã đưa người phụ nữ khác về nhà chung sống và có con riêng. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Vàng A D.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D có 06 con chung là Vàng A T, sinh ngày 28/12/2003; Vàng A H, sinh ngày 15/11/2004; Vàng A T1, sinh ngày 18/11/2006; Vàng Thị D1, sinh ngày 05/5/2011; Vàng A L, sinh ngày 25/7/2016; Vàng A T2, sinh ngày 17/9/2018. Các con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Con Vàng A T, Vàng A H đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Vàng A T1 tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng đang đi làm công nhân ở Bắc Ninh, con ở với ai do con quyết định. Chị S có nguyện vọng được nuôi Vàng A T2 vì cháu còn quá nhỏ, Vàng A D2 là con gái nên cần có mẹ để chăm sóc, nuôi dưỡng cho lớn thành người. Chị S không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, ý kiến của bị đơn anh Vàng A D thể hiện:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng A D thừa nhận quá trình hôn nhân như chị Hoàng Thị S đã khai, nhưng anh không thừa nhận vợ chồng anh có mâu thuẫn, chị S đã tự ý bỏ nhà đi không về nhà, không liên lạc gì nên anh D đã đưa một người phụ nữ khác về sống cùng nhà từ năm 2022 và đã có con riêng được 7 tháng tuổi. Nay chị S yêu cầu ly hôn anh không chấp nhận vì anh muốn chị S về nhà cùng anh nuôi dạy các con. Nếu chị S về thì vợ mới của anh sẽ về nhà ngoại ở.

- Về con chung: Thống nhất với nội dung trình bày của chị Hoàng Thị S. Trường hợp nếu ly hôn, anh D có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 04 con chung chưa thành niên gồm: Vàng A T1, Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh D yêu cầu chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 mỗi con 500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Vàng A D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản tiếp cận công khai chứng cứ ngày 13/8/2024, chị Hoàng Thị S thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện về phần con chung: Chị đề nghị giao 04 con chung chưa thành niên cho anh Vàng A D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 mỗi con 500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tại phiên hòa giải, các đương sự không thống nhất giải quyết được về quan hệ hôn nhân, anh D không nhất trí ly hôn, tuy nhiên trong trường hợp phải ly hôn, các bên đương sự thống nhất giải quyết các nội dung sau:

- Về con chung: Chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D thống nhất giao cả 04 con chung gồm Vàng A T1, Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 cho anh Vàng A D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D thỏa thuận, thống nhất chị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 mỗi con 500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Từ năm 2020, anh D thường hay uống rượu, chửi mắng chị S. Chị S đã bỏ nhà đi từ năm 2021 cho đến nay không thấy về nhà, không rõ tình trạng hôn nhân của anh D và chị S đã ly hôn hay chưa, tuy nhiên sau khi chị S đi, anh D đã đón một người phụ nữ khác về chung sống như vợ chồng cùng anh D và đã có con chung được khoảng 6 – 7 tháng. Trong quá trình chị S bỏ đi, anh D vẫn chăm sóc và cho các con ăn học đầy đủ.

* Tại biên bản ghi nhận ý kiến các con gồm: Cháu Vàng A T1, sinh ngày 18/11/2006; cháu Vàng Thị D1, sinh ngày 05/5/2011; Vàng A L, sinh ngày 25/7/2016 đều thể hiện nội dung: nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu muốn ở với bố vì từ lúc mẹ bỏ đi, không thấy về thăm; bố vẫn nuôi dưỡng và cho các cháu đi học đầy đủ.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, tại các bút lục số 35, 36 trong hồ sơ, khi lấy lời khai của con chung có mặt bố để là vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự và đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thấy chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D có kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh Vàng A D trong thời kỳ hôn nhân với chị S đã công khai ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Chị S xác định vợ chồng không còn tình cảm, không muốn sống cùng nhau nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không đảm bảo được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Hoàng Thị S xin ly hôn với anh Vàng A D là có căn cứ.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Vàng A D.

- Về con chung: Giao cả 04 con chung gồm Vàng A T1, Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 cho anh Vàng A D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 mỗi con 500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Tòa án xem xét kiến nghị trong bản án các nội dung:

+ Đối với việc anh Vàng A D chung sống với một người phụ nữ tên Hoàng Thị K (trú tại xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn) khi anh D và chị Hoàng Thị S vẫn đang là vợ chồng hợp pháp có dấu hiệu vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng theo khoản 1 Điều 59 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ. Căn cứ Điều 3, Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 83, Điều 88 Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể kiến nghị UBND huyện B xem xét, xử lý hành vi của anh Vàng A D theo quy định của pháp luật (nếu có vi phạm).

+ Tại thời điểm chị Hoàng Thị S sinh con Vàng A T vào ngày 28/12/2003, chị S (sinh ngày 01/01/1988) mới được 15 tuổi 11 tháng 27 ngày, anh D (sinh ngày 12/12/1982) được 21 tuổi 16 ngày. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu của T3 giao cấu với trẻ em quy định tại khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999, khung hình phạt từ 03-10 năm (thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng) nhưng theo quy định tại Điều 27 BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm đối với tội phạm rất nghiêm trọng là 15 năm, tính đến ngày Tòa án thụ lý vụ án là ngày 01/7/2024 thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên xét thấy không cần thiết phải chuyển vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, tại thời điểm ngày 15/6/2009, chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D thực hiện việc đăng ký kết hôn, đồng thời đăng ký khai sinh cho con Vàng A T tại UBND xã N, huyện B nhưng UBND xã đã không kiến nghị xử lý kịp thời dẫn đến hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, cần có biện pháp kiến nghị đối với Chủ tịch UBND xã N để phòng ngừa, tránh lặp lại tình trạng tương tự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã nêu rõ nội dung yêu cầu tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S*:

Chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống từ năm 2001, đến ngày 15/6/2009 thì đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh D hay uống rượu, chửi mắng chị S; chị S đã bỏ nhà đi làm ăn ở xa từ năm 2021 và ly thân với anh D từ đó cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, anh D đã đưa một người phụ nữ khác về nhà chung sống và con con riêng. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”, nhưng xét thấy giữa chị S và anh D đã không còn sự quan tâm, yêu thương, chia sẻ chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, không còn sự chung thủy, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng.

Trên cơ sở các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con*: Anh Vàng A D và chị Hoàng Thị S có 06 con chung là Vàng A T, sinh ngày 28/12/2003; Vàng A H, sinh ngày 15/11/2004; Vàng A T1, sinh ngày 18/11/2006; Vàng Thị D1, sinh ngày 05/5/2011; Vàng A L, sinh ngày 25/7/2016; Vàng A T2, sinh ngày 17/9/2018. Các con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Con Vàng A T, Vàng A H đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, từ khi chị S bỏ đi, anh D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, cháu T1 sắp đủ 18 tuổi đã tự lao động kiếm tiền còn 03 cháu Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 còn nhỏ, vẫn được anh D chăm sóc, cho học hành đầy đủ. Các cháu T1, D1, L cũng có nguyện vọng được sống cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S và anh D đã thỏa thuận, thống nhất: giao các con chung gồm Vàng A T1, Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 cho anh Vàng A D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; Chị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 mỗi con 500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận các nội dung trên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị S và anh Vàng A D không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiến nghị đối với các cơ quan có chức năng:

- Căn cứ quy định tại Điều 3, Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính, khoản 1 Điều 59, Điều 83, 88 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ: Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B xem xét, xác minh đối với hành vi “đang có vợ mà chung sống như vợ chồng với người khác” của anh Vàng A D, nếu có đủ căn cứ thì xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

- Tại thời điểm ngày 15/6/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N đã không kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi của anh Vàng A D do có dấu hiệu của T3 giao cấu với trẻ em quy định tại khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, dẫn đến hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện B có biện pháp phòng ngừa, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những hành vi vi phạm tương tự có thể xảy ra.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Vàng A D.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

- Về con chung: Giao cả 04 con chung gồm Vàng A T1, Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 cho anh Vàng A D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung Vàng Thị D1, Vàng A L, Vàng A T2 mỗi con 500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002308 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Chị S phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn Vàng A D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn Hoàng Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Ba Bể;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Mẫu;
- UBND các xã, thị trấn trong huyện;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Triệu Thị Út Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thào

Đỗ Thị Láng

Triệu Thị Út Hiền

